

# BÁT NHÃ TÂM KINH CHỈ CHƯỞNG

般若心經指掌

X0558

Cổ Sơn, Truyền pháp Sa-môn Nguyên Hiền thuật

Việt dịch: Quảng Minh

## Bát-nhã Ba-la-mật-đa Tâm Kinh

**Bát-nhã**, dịch là trí tuệ, tức lĩnh ngộ chỗ huyền áo, diệu khế lẽ chân nguyên. **Ba-la-mật-đa**, dịch là ‘bờ bên kia’ (彼岸到: bờ bên kia đến), tức do diệu tuệ này mà vượt qua dòng sinh tử, đến bờ bên chân không. **Bát-nhã** là thể, **ba-la-mật-đa** là dụng, hợp cả thể và dụng mà thành danh đề, mà để tách biệt với cái tuệ ‘không đến bờ bên kia’ vậy. **Tâm** là dụ, ví dụ rằng kinh này chính là tinh yếu của bộ Đại bát-nhã sáu trăm quyển, như thân thể con người, tuy có năm giác quan và hình hài, nhưng tâm làm chủ tể. Sáu chữ **Bát-nhã Ba-la-mật-đa** ở trước là pháp sở thuyết, chữ **Kinh** ở sau chính là giáo năng thuyết.<sup>1</sup> **Kinh** chỉ dạy điều chân chánh, lẽ thường hành, cũng chỉ dạy đường lối. Tóm lại, pháp sở thuyết ấy chính là phép tắc đúng đắn mà Thánh phàm cùng thừa nhận, là quy luật nhất định mà xưa nay không thay đổi, cũng là con đường trọng yếu để ‘xuất phàm nhập Thánh’.

---

<sup>1</sup> Năng thuyết 能詮: Đối lại: Sở thuyết 所詮. Thuyết là những câu văn giải thích kinh điển, vì chúng có khả năng giải thích rõ ràng nghĩa lý bao hàm trong kinh điển, nên gọi là Năng thuyết; còn nghĩa lý được giải thích thì gọi là Sở thuyết.

## **Quán Tự Tại Bồ-tát hành thâm bát-nhã ba-la-mật-đa thời, chiếu kiến ngũ uẩn giai không, độ nhất thiết khổ ách.**

Đoạn này là dựa vào sự thực hành mà lược nêu cương yếu. **Quán Tự Tại Bồ-tát**: Bồ-tát này có diệu tuệ viên chiếu ‘không’ và ‘hữu’, sự hiểu biết không gì chướng ngại, bởi vì [các pháp] là hữu là vô, là không là sắc, đặc đại tự tại, nên có tên gọi ấy. Bồ-tát, Phạn ngữ là ‘bồ-đề-tát-đỏa’ (Bodhisattva), Hoa ngôn là ‘giác chúng sinh’. Bồ-tát là cách gọi tắt vậy. **Hành thâm bát-nhã**: Chỗ tu hành bát-nhã của Bồ-tát đó là ‘nhân pháp song không’<sup>2</sup>, ‘duy nhất thật tướng’<sup>3</sup>, chẳng giống sự quán trí phiến diện và thiên cận của hàng nhị thừa. **Chiếu kiến ngũ uẩn giai không**: Đạt được cái thấy ‘tự tánh của năm uẩn vốn là không’, tức là lý ‘hai không’<sup>4</sup> được thấy bởi trí tuệ thâm sâu. **Ngũ uẩn**: sắc, thọ, tưởng, hành và thức. **Sắc**, là năm căn, năm trần và nửa phần pháp trần<sup>5</sup>, chẳng phải chỉ có huyễn thân<sup>6</sup>. **Thọ**, là huyễn thân lĩnh nạp ngoại trần mà có được những thọ dụng khác nhau: có khổ, có vui hay không khổ không vui. **Tưởng**, là tâm duyên ngoại cảnh mà thành lập những ấn tượng [trong tâm thức]. **Hành**, là sự tạo tác những ý niệm tiếp nối sinh diệt, lưu chuyển không dứt. **Thức**, là sự phân biệt [các pháp] nơi tiền cảnh. Thức là tâm vương; thọ, tưởng, hành đều là tâm sở; hợp nhất chúng thì toàn là vọng tâm. **Độ nhất thiết khổ ách**: Chứng đắc chân không, khổ não không còn, nên viễn ly được cái khổ của hai hình thái sinh tử là phần đoạn sinh tử và biến dịch

---

<sup>2</sup> Nhân pháp song không 人法雙空: nhân và pháp đều không; người thì không, pháp cũng không; không có người mà cũng chẳng có pháp. Tương tự ‘ngã pháp song vong’ (我法雙亡).

<sup>3</sup> Duy nhất thật tướng 惟一實相: tướng duy nhất mà chân thật, gọi tắt là nhất thật, ý nghĩa là chân như.

<sup>4</sup> Hai không: ngã không và pháp không.

<sup>5</sup> Phần tâm của pháp xứ, tức quan điểm, ý nghĩ hay tư tưởng ở trong phạm vi những đối tượng của tâm thức (pháp xứ - dharmāyatana).

<sup>6</sup> Tất cả thế giới vật thể, thuộc nội tâm cũng như ngoại giới, đều bao gồm trong sắc uẩn.

sinh tử.<sup>7</sup> Xưa nay con người chấp ngũ uẩn làm ngã và ngã sở, từ đó phát khởi mê lầm, tạo tác hành nghiệp, luân hồi sáu đường, cam chịu các khổ, không biết bao giờ thoát ra. Hàng nhị thừa tuy không chấp ngũ uẩn làm ngã và ngã sở, nhưng còn chấp các uẩn là thật hữu. Vì ‘trầm không trệ tịch’<sup>8</sup>, hàng nhị thừa xem ba cõi là lao ngục, không phát nguyện độ sinh, nên được gọi là ‘tiêu nha bại chủng’<sup>9</sup>, không có phần ‘thành Phật’. Đức Phật thương xót hàng nhị thừa nên vì họ nói pháp Bát-nhã này, khiến họ hiểu ‘ngũ uẩn bản không’<sup>10</sup>, thì biết ‘thân tâm như huyễn, thế giới như hóa’<sup>11</sup>, hai chấp hết hẳn, ba chương<sup>12</sup> sạch liền, có thể ngồi cỗ xe bò trắng,

---

<sup>7</sup> Phần đoạn sinh tử: Sự sống và sự chết được nhận định qua tính cách tồn tại và hủy diệt của sắc thân này, dù trong đời này hay đời sau. Biến dịch sinh tử: Sự sống và sự chết xảy ra trong từng khoảnh khắc sát-na, và cứ như vậy, sống chết liên tục tiếp nối nhau từ vô thủy đến vô cùng. Biến dịch sinh tử thì nhỏ nhiệm, sâu kín khó thấy, khó biết, so với phần đoạn sinh tử.

<sup>8</sup> Trầm không trệ tịch 耽空滞寂: Hàng nhị thừa còn pháp chấp nên chấp trước đối với Niết-bàn tịch tịnh, không khởi tâm đại bi phổ độ chúng sinh.

<sup>9</sup> Tiêu nha bại chủng 焦芽敗種: Mầm mống bị cháy khô, hạt giống bị hư thối, ví dụ hàng Nhị thừa không thể phát tâm bồ đề vô thượng, hết như hạt giống đã bị thối rữa thì không thể nào mọc thành cây để khai hoa kết trái, cho nên gọi là Tiêu nha bại chủng. Kinh Duy ma cật nói: “Hàng nhị thừa như hạt giống cây cỏ bị khô cháy, thối rữa, không thể phát tâm Vô thượng bồ đề.”

<sup>10</sup> Ngũ uẩn bản không 五蘊本空: Năm uẩn vốn hư huyễn, không có thật tánh. Có thành ngữ: ‘Tứ đại bản không, ngũ uẩn phi hữu’ (四大本空, 五蘊非有).

<sup>11</sup> Thân tâm như huyễn, thế giới như hóa 身心如幻, 世界如化: Thân tâm và thế giới của thân tâm ấy toàn là huyễn ảo và biến hóa. Huyễn ảo là như không gian nổi lên hoa đốm, do con mắt bị bệnh màng mắt mà thấy có hoa đốm. Kinh Viên giác nói: “Các vị bồ tát tử ngộ viên giác trong sáng, đem cái tuệ giác tử ngộ ấy biết tâm thức và căn cảnh toàn là huyễn ảo, nên nổi lên huyễn ảo để diệt trừ huyễn ảo, biểu hiện mọi phương tiện huyễn ảo mà hóa độ cho chúng sinh huyễn ảo. Vì nổi lên huyễn ảo như vậy nên bên trong phát ra sự thư thái đại bi.” Biến hóa là nhà ảo thuật làm ra trò ảo thuật mà người thích.

<sup>12</sup> Tam chương 三障: Phạm ngữ: trīṇyāvaranāni. Ba thứ chương ngại: Cũng gọi Tam trọng chương. Chỉ cho Phiền não chương, Nghiệp chương và Dị thực chương có khả năng ngăn ngại Thánh đạo và các thiện căn gia hành trước đó. 1. Phiền não chương (kleśāvarana): Bản tính con người vốn đầy đủ 3 phiền não tham, sân, si, rất khó trừ bỏ, khó dạy bảo, khó mở tỏ, khó chán lìa, khó được giải thoát. Đây cũng chính là chỉ cho phiền não thường xuyên sinh khởi. 2. Nghiệp chương (karmāvarana): Tức chỉ cho 5 vô gián

chuyên chở khắp chúng sinh, cùng đến bờ bên kia, bởi lẽ danh từ ‘Phật’ và ‘chúng sinh’ đều bất khả đắc.<sup>13</sup>

**Xá-lợi tử! Sắc bất dị không, không bất dị sắc; sắc tức thị không, không tức thị sắc. Thọ, tưởng, hành, thức, diệc phục như thị.**

Từ đoạn này trở xuống đến ‘tam-miêu tam-bồ-đề’ là theo căn cơ để nói rộng thật nghĩa. **Xá-lợi tử:** Là vị đệ tử của đức Phật, là bậc trí tuệ đệ nhất, tôn giả quyền hiện làm Thanh văn, làm thượng thủ trong chúng, cho nên đức Phật gọi tôn giả mà dạy: “Như Lai nói ‘**chiếu kiến ngũ uẩn giai không**’, cái không đó chẳng phải là cái không ‘tách rời uẩn’ (: ly uẩn), mà là cái không ‘ngay nơi uẩn’ (: tức uẩn).<sup>14</sup>

---

nghiệp, là những nghiệp ác do thân, miệng, ý tạo tác ra. 3. Dị thực chướng (vipākāvarana, cũng gọi Báo chướng, Quả báo chướng): Những quả báo 3 đường ác do nhân phiền não và nghiệp đưa đến. [X. kinh Đại bát niết bàn Q.11 (bản Bắc); kinh Phật danh Q.1; luận Phát trí Q.11; luận Thành thực Q.8; luận Câu xá Q.17; luận Đại trí độ Q.5; luận Đại tì bà sa Q.115]. Luận Đại thừa trang nghiêm kinh, quyển 10, phẩm Giác phần: “Ba chánh, là chánh cần, chánh niệm và chánh định. Ba chướng, là trí chướng, định chướng và tự tại chướng. Theo thứ tự, lấy ba chánh này đối trị ba chướng kia. Do tu tập chánh cần trong thời gian lâu xa mà không có thoái lui nên đoạn được trí chướng. Do tu tập chánh niệm làm cho hôn trầm, trạo cử không có chỗ bám víu nên đoạn được định chướng. Do tu tập chánh định mà thành tựu công đức thù thắng nên đoạn được tự tại chướng.”

<sup>13</sup> Đại thừa Chỉ quán luận: “Hỏi, đã nói Tâm Phật đà với Tâm chúng sinh không hai không khác, tại sao còn nói danh từ Phật đà với danh từ chúng sinh khác nhau? Đáp, Tâm thì thể đồng nhất, nhưng lại có tính sai biệt, vốn không ngăn ngại gì cả. Vì có tính sai biệt ấy nên vô thỉ đến nay hấp thụ sự huân tập của ngã chấp. Vì sức mạnh huân tập sai biệt này, nên tâm tánh y theo sự huân tập này mà biểu hiện những tướng trạng sai biệt. Đó là căn cứ tướng trạng ngã chấp mà nói Phật đà với chúng sinh 2 danh từ khác nhau.” (H.T Thích Trí Quang dịch)

<sup>14</sup> Thành duy thức luận nói về uẩn và ngã như sau: “Lại nữa, có ba quan điểm về ngã: 1. đồng nhất với uẩn; 2. dị biệt uẩn; 3. phi đồng nhất phi dị biệt đối với uẩn.

1. Thứ nhất, uẩn tức ngã, phi lý: a. Vì như uẩn, ngã không phải là thường hằng, không phải là nhất thể. b. Lại nữa, các sắc trong nội thân quyết định không phải là thực ngã, vì có chất ngại, như ngoại sắc. c. Tâm

Trong tông chỉ của ông, chỉ biết ‘không có con người trong năm uẩn’, mà không biết ‘uẩn cũng chẳng thật’, nên muốn ‘diệt sắc mới có thể thấy không’, đó là nắm giữ ‘cái không đoạn diệt’<sup>15</sup>. Nên biết, ‘**sắc bất dị không, không bất dị sắc**’, không thể làm lẫn mà quán. Bởi lẽ, không và sắc vốn là nhất thể. Sắc chính là ‘sắc của không’, chưa từng ‘chẳng phải không’, nên ‘**sắc bất dị không**’. Không chính là ‘không của sắc’, chưa từng ‘chẳng phải sắc’, nên ‘**không bất dị sắc**’. Đâu thể ngoài sắc mà nắm không, diệt sắc mà thấy không ư?” Đức Phật lại e có người còn giữ cái thấy ‘sắc không là hai’, nên dạy thêm cho tôn giả: “**Sắc tức thị không, không tức thị sắc.**” Nhị đế<sup>16</sup> luôn tồn tại, nhất vị<sup>17</sup> thường hiển lộ, chẳng phải một, chẳng phải hai, vừa là một vừa là hai, liên quan với hữu mà chẳng trói buộc nơi hữu, quán chiếu về không mà chẳng mê đắm nơi không, tồn vong vô ngại, viên thông vô ký<sup>18</sup>. Ý chỉ huyền diệu của bát-nhã nằm hết ở đây vậy. ‘**Thọ, tướng, hành, thức**’ tuy không phải là vật chất có tính ngăn ngại, nhưng cùng thuộc huyền

---

và tâm sở pháp cũng không phải là thực ngã, vì không hằng tương tục, và vì cần hội đủ duyên. c. Các hành và các sắc còn lại cũng không phải là thực ngã, như hư không, vì không phải là giác tánh.

2. Thứ hai, ngã lia uẩn cũng phi lý, vì như hư không không có tác và thọ.

3. Thứ ba, phi đồng nhất và phi dị biệt đối với uẩn, cũng phi lý: a. Vì nếu y trên uẩn mà thiết lập ngã nên không phải đồng nhất cũng không phải dị biệt uẩn, thế thì, như bình các thứ, vì không phải là thực ngã. b. Lại nữa, đã không thể nói là hữu vi hay vô vi, thì cũng không thể nói là ngã hay phi ngã. Do đó, ngã theo quan niệm của thuyết ấy không thành.” (Thích Tuệ Sỹ dịch)

<sup>15</sup> Đoạn diệt Không 斷滅空: Là diệt sắc chất đi thì hiện bày cái không, như đào giếng, lấy đi đất thì bày ra khoảng không.

<sup>16</sup> Nhị đế: Chân đế và tục đế.

<sup>17</sup> Nhất vị: Đệ nhất nghĩa đế.

<sup>18</sup> Vô ký: Không có ngôn ngữ văn từ để ký thác, chỉ cho sở quán về chân không, ly ngôn tuyệt lộ.

hữu<sup>19</sup>. Vọng và chân, không và sắc chẳng sai khác, cho nên nói ‘**diệt phục như thị**’. Đây là yếu nghĩa của bát-nhã, người học phải vận dụng hết tâm tư.

Hỏi: Xưa dùng ví dụ ‘thủy băng’<sup>20</sup> để giải thích, và nó được truyền thừa qua nhiều thế hệ, vì sao ngày nay không dùng?

Đáp: Bởi vì pháp và dụ không phù hợp. Không và sắc tuy có cái nghĩa ‘trương thành’, nhưng chẳng phải hoại sắc để hiển không, cũng chẳng phải hoại không để hiển sắc. Nước đông đặc thành băng, thì tướng nước hoại, và băng tan chảy thành nước, thì tướng băng hoại. Hoại một cái để hiển một cái, là hoàn toàn không hiểu về nghĩa của ‘không - sắc’, cho nên nay không dùng ví dụ ‘thủy băng’.

**Xá-lợi tử! Thị chư pháp không tướng: bất sinh bất diệt, bất cấu bất tịnh, bất tăng bất giảm.**

**Thị chư pháp**, là chỉ năm uẩn nói trên. **Không tướng**, là tướng trạng không của năm uẩn; chính là hiển bày lý ‘hai không’. Bởi vì có ‘pháp’ thì có **sinh diệt**, có **cấu tịnh**, có **tăng giảm**. Nay, đã quên mất các pháp, chỉ có một chân không, sao lại nói có sinh diệt, cấu tịnh, tăng giảm ư? Xưa có người phân ra đạo tiền, đạo trung, đạo hậu<sup>21</sup> để giải thích [không tướng], đó không phải ngụ ý của tôi. Tướng

---

<sup>19</sup> Huyền Hữu: Các pháp hiện hữu trong thế gian đều là giả có, mang tính chất nhân duyên sinh và không có thật thể.

<sup>20</sup> Ví dụ ‘thủy băng’ là để hiểu về Tâm. Tâm không có chân, không có vọng, mà toàn vọng là chân, toàn chân là vọng. Tâm là nước mà đang đóng thành băng, băng tan chảy thì nước hoàn nước. Ví dụ này cho thấy tâm thức chính là viên giác, tức tuệ giác viên mãn của Phật.

<sup>21</sup> Đạo tiền, đạo trung, đạo hậu 道前, 道中, 道後: đạo tiền là trước khi tu đạo hay giác ngộ, đạo trung là trong khi tu đạo hay giác ngộ, đạo hậu là sau khi tu đạo hay giác ngộ. Pháp Hoa văn cú ký, quyển 4 ghi: “Nên lấy thập địa làm đạo tiền, diệu giác làm đạo trung, chứng đạo sau đó làm đạo hậu.” Nói về thanh tịnh, có 2: bản lai thanh tịnh và vô cấu thanh tịnh. Bản lai thanh tịnh là đạo tiền, đạo trung. Vô cấu thanh

chân không hiển lộ, sự thể ấy Phật còn chẳng thiết lập, huống là thiết lập đạo tiền, đạo trung, đạo hậu ư? Lại nữa, có các thầy lấy thật tướng của chân không để giải thích **chư pháp không tướng**, riêng tôi không dám thêm thắt, bởi lẽ kinh văn đã nói rõ là ‘chư pháp không tướng’, sao có thể đổi làm ‘thật tướng’! Quan điểm của các thầy ấy là, ‘các vọng tướng đã trừ khử, đó chẳng phải chân thì là gì?’<sup>22</sup>, cho nên ‘không tướng chính là thật tướng’. Các thầy ấy không biết rằng, huyễn sắc và chân không đều lấy thật tướng làm thể. Nếu thể nhập thật tướng, thì chẳng riêng chân không là thật tướng, mà huyễn sắc cũng là thật tướng. Thế nên, kinh Pháp Hoa nói: “Chính vì vốn là bản thể an trú, bản thể nguyên vị, cho nên thật tướng của chính thể gian cũng vẫn thường trú.”<sup>23</sup> Nay chỉ thừa nhận ‘không tướng chính là thật tướng’, thì tướng ấy làm thật tướng chẳng cũng phiền diện ư? Hơn nữa, không tướng đâu là thật tướng, nhưng chấp trước vào thật tướng mà chẳng thủ đắc chữ ‘không’, thì chẳng thà chỉ dựa vào kinh văn làm chánh.

**Thị cố không trung vô sắc, vô thọ, tướng, hành, thức; vô nhân, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý; vô sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp; vô nhân giới, nãi chí vô ý thức giới.**

---

tịnh là đạo hậu. Nói về ly cấu thì, đạo tiền và đạo trung thì chưa ly cấu, đạo hậu thì ly cấu. Nói về 3 đức của Đại Niết-bàn: đạo tiền là pháp thân đức, đạo trung là bát-nhã đức, đạo hậu là giải thoát đức.

<sup>22</sup> Chánh văn: “Chư vọng ký tiêu, bất chân hà đãi?” (諸妄既銷, 不真何待?) Kinh Lăng Nghiêm, quyển 5, Lục kết: “Chư vọng tiêu vong, bất chân hà đãi?” (諸妄銷亡, 不真何待? Các vọng tiêu mất, đó chẳng phải chân thì là gì?) Khi cái vọng không còn, thì tất cả còn lại đều là chân. Trừ bỏ mọi niệm tướng vướng mắc vào các duyên, thì bản tánh chân như thanh tịnh vi diệu sẽ hiện tiền, bản lai diện mục, tánh Như Lai tạng sẽ hiển lộ.

<sup>23</sup> Kinh Pháp Hoa, phẩm Phương tiện: “Thị pháp trú pháp vị, Thế gian tướng thường trú.” (是法住法位, 世間相常住.)

**Không trung**, là các pháp ấy trong không. Tướng chân không hiển hiện thì vạn pháp đều mất hết, cho nên các pháp đều ‘**vô**’<sup>24</sup>, đó chẳng phải các pháp bị hủy hoại, mà các pháp vốn không có đặc tánh. Các pháp số ở sau được hiểu theo chuẩn mực này. Năm uẩn, mười hai xứ, mười tám giới gồm cả hai mặt sắc và tâm, tùy trường hợp mà thu gọn hay mở rộng.<sup>25</sup>

### **Vô vô minh, diệt vô vô minh tận; nãi chí vô lão tử, diệt vô lão tử tận.**

Đoạn này nói, trong chân không không có mười hai nhân duyên. Mười hai nhân duyên vốn là cảnh sở quán của Duyên giác: 1. **Vô minh**: là hôn mê đối với giác tánh; 2. **Hành**: là tác nghiệp. Hai chi này là nhân tạo tác ở quá khứ. 3. **Thức**: là khởi vọng niệm, bắt đầu thác sinh vào thai mẹ; 4. **Danh sắc**: là trong thai mẹ dần dần sinh các hình tướng; 5. **Lục nhập**: là trong bào thai hình thành sáu căn; 6. **Xúc**: là sau khi xuất thai, sáu căn xúc đối sáu trần; 7. **Thọ**: là lãnh nạp các sự tốt, xấu, v.v... ở thế gian. Năm chi này là quả tạo tác ở hiện tại. 8. **Ái**: là nơi thế gian sinh khởi tham ái; 9. **Thủ**: là nơi các cảnh sinh tâm thủ trước (bám víu, nắm giữ); 10. **Hữu**: là tạo tác nhân hữu lậu, có năng lực dẫn đến quả vị lai. Ba chi này là nhân tạo tác ở hiện tại. 11. **Sinh**: là thọ thân năm uẩn ở vị lai; 12. **Lão tử**: là thân vị lai rồi sẽ già và chết. Hai chi này là quả sẽ thọ ở đời vị lai. Mười hai chi này bao trùm nhân quả ba đời, mỗi chi làm nhân mà sinh khởi, gọi là **lưu chuyển môn**, cũng làm nhân mà đoạn diệt, gọi là **hoàn diệt môn**. Trong chân không, các chi phân thấy đều tách rời, thì làm sao có sự sinh, sự diệt, bởi vì mười hai nhân duyên vốn không có đặc tánh.

---

<sup>24</sup> Trong sự soi sáng của tướng chân không thì không có các pháp qua sự thủ đắc theo những khái niệm đối kháng, không có các pháp qua ngã chấp và pháp chấp.

<sup>25</sup> Pháp số 5 uẩn là thu gọn sắc mà mở rộng tâm. Pháp số 12 xứ thu gọn tâm mà mở rộng sắc. Pháp số 18 giới quân bình tương đối về sắc và tâm.



### **Vô khổ, tập, diệt, đạo.**

Đoạn này nói, trong chân không không có bốn đế. Bốn đế vốn là cảnh sở quán của Thanh văn: **Khổ**, là các khổ ở thế gian, chính là quả thế gian. **Tập**, là các nghiệp tạo tác, chính là nhân thế gian. **Diệt**, là Niết-bàn, chính là quả xuất thế. **Đạo**, là bát chánh đạo, chính là nhân xuất thế. Trong chân không, hoàn toàn không có bốn đế, bởi vì bốn đế vốn không có đặc tánh.

### **Vô trí diệt vô đắc.**

Đoạn này nói, trong chân không, chẳng những không có các pháp nói ở trên, mà quán trí ‘biết không’ cũng bất khả đắc, chẳng những quán trí ‘biết không’ bất khả đắc, mà lý cảnh ‘biết không’ cũng bất khả đắc. Đến đây, thuốc và bệnh đều mất, tâm và cảnh đều quên, chỉ còn thật tướng mà thôi. Đó là công năng rất lớn của bát-nhã.

Hỏi: Trước sắc và không cùng thành lập, nay vì sao tất cả đều không có?

Đáp: Trước ‘thành lập’, thành lập mà chưa từng không cùng tận. Nay ‘không có’, không có mà chưa từng chẳng tồn tại. Nói ‘có’, chỉ là có tướng trạng, nhưng đặc tánh vốn không có; nói ‘không có’, chỉ là đặc tánh vốn không có, nhưng tướng trạng chẳng hủy hoại. Thế nên, tồn tại mà đều tiêu diệt, tiêu diệt mà thường tồn tại. Ý chỉ của bát-nhã vốn như thế.

**Dĩ vô sở đắc cố, bồ-đề-tát-đỏa y bát-nhã ba-la-mật-đa cố, tâm vô quái ngại; vô quái ngại cố, vô hữu khủng bố, viễn ly điên đảo mộng tưởng, cứu cánh Niết-bàn. Tam thế chư Phật y bát-nhã ba-la-mật-đa cố, đắc A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề.**

Đoạn sau đây, nhân nói ‘vô sở đắc’ mà hiển bày ‘hữu sở đắc’. Dựa vào ánh sáng ‘vô sở đắc’ ấy liền được tâm và cảnh đều không, xúc xú [giữa tâm và cảnh] sáng tỏ, được sự giải thoát ‘**vô ngại**’. Đã được sự vô ngại, theo chiều hướng đó, không có các chướng của khổ ách trong sinh tử, cho nên ‘**vô khủng bố**’. Chẳng những không có khiếp sợ, mà những ‘**điên đảo mộng tưởng**’ từ vô thủy cũng có thể ‘**viễn ly**’. **Điên đảo mộng tưởng**, là vô minh, là phiền não. Đã không có phiền não, thì được ‘**cứu cánh**’, tức đi đến ‘**Niết-bàn**’. **Niết-bàn**, Hán dịch là viên tịch: đức đầy đủ là viên, chướng diệt hết là tịch. Ở đây nói, nhân ấy đưa đến quả kia. Chẳng những bỏ-tát y theo bát-nhã mà đến được Niết-bàn, mà ‘**tam thế chư Phật**’ cũng không có con đường khác: chỉ y theo bát-nhã mà chứng đắc **Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác**. Niết-bàn là quả đoạn đức (: giải thoát) của Phật; Chánh giác là quả trí đức (: tuệ giác) của Phật. Nay, với bỏ-tát mà nói Niết-bàn, với Phật mà nói Chánh giác, chính là Phật dạy tóm tắt, ý thú phải đủ cả hai.

Hỏi: Trước đã nói ‘vô sở đắc’, nay lại nói ‘hữu sở đắc’, vì sao?

Đáp: ‘Hữu sở đắc’ ở đây, chính xác là chứng đắc ‘vô sở đắc’ mà thôi, chẳng phải riêng có ‘hữu sở đắc’.

**Cô tri bát-nhã ba-la-mật-đa, thị đại thần chú, thị đại minh chú, thị vô thượng chú, thị vô đẳng đẳng chú, năng trừ nhất thiết khổ, chân thật bất hư. Cô thuyết bát-nhã ba-la-mật-đa chú, tức thuyết chú viết: Yết-đế, yết-đế, ba-la-yết-đế, ba-la-tăng-yết đế, bồ-đề tát-bà-ha.**

Trước là hiển thuyết bát-nhã, sau là mật thuyết bát-nhã. Vì sao đã hiển thuyết mà còn mật thuyết? Bởi vì căn cơ chúng sinh không giống nhau, nên sự ngộ nhập cũng khác biệt. Lại nữa, hiển thuyết có khả năng sinh trí tuệ, diệt phiền não chướng; mật thuyết để tụng trì, sinh phước đức, diệt tội nghiệp chướng. Vì diệt hai

chương [: phiền não và tội nghiệp], thành hai nghiêm [: trí tuệ và phước đức], nên có hai thuyết [: hiển và mật]. Nay sẽ nói mật chú, mà trước hết là ca ngợi công đức của mật chú, để khuyến tiến hành giả, khiến họ ưa thích thọ trì, để rồi có được hiệu năng của mật chú. Công năng phá ma chương, gọi là ‘**đại thần chú**’. Công năng phá si ám, gọi là ‘đại minh chú’. Công năng bày chân lý, gọi là ‘**vô thượng chú**’. Công năng ngang bằng với cực quả, gọi là ‘**vô đẳng đẳng chú**’. Phật không đồng đẳng với chúng sinh, gọi là ‘vô đẳng’; nhưng Phật đồng đẳng với chư Phật, nên có thêm chữ ‘đẳng’. **Năng trừ nhất thiết khổ**, là ba khổ, tám khổ, tất cả khổ.<sup>26</sup> **Tức thuyết chú viết:** ..., là trước chưa nói lời chú, nên nay nói đó. Thần chú thì không thể miễn cưỡng chuyển dịch, vì đó là mật ngữ của Phật, chẳng phải bậc tu hành ở nhân vị biết được, chỉ nên tín thọ, tụng trì, để mong cầu trừ chương, tăng phước vậy.

---

<sup>26</sup> Luận Hiển dương Thánh giáo, quyển 15, phẩm Thành khổ: “Ba khổ: oán ghét mà phải gặp nhau, yêu thương mà bị xa lìa và mong muốn mà không có được, là sở y của cái thân bị bức bách, là sở y của cái tâm bị bức bách, và là sở y của những gì làm cho thân tâm suy tổn.” Khổ có 3 loại: 1. Khổ khổ (dục khổ): khổ sở vì nóng lạnh, đói khát, bệnh tật v.v...; 2. Hành khổ: khổ sở vì sự biến động của pháp hữu vi, trong đó, 5 uẩn bao gồm thân tâm và thế giới của thân tâm; 3. Hoại khổ (biến dịch khổ): khổ sở vì cái vui mất đi. Luận Thanh tịnh đạo nói: “Cảm thọ khổ về thân và tâm gọi là khổ khổ, vì tự tính nó là khổ, tên nó là khổ, và vì nó đau đớn thực sự. Cảm thọ lạc về thân và tâm gọi là hoại khổ vì đó là nhân sanh ra khổ khi cảm thọ ấy biến hoại. Xả thọ và các hành khác trong ba cõi là hành khổ, vì chúng bị bức bách trong sanh diệt.” (Thích Nữ Trí Hải dịch) Tám khổ: sinh khổ, già khổ, bệnh khổ, chết khổ, khổ vì oán ghét mà phải gặp nhau, khổ vì yêu thương mà bị xa lìa, khổ vì mong muốn mà không được và năm thủ uẩn khổ. Luận Hiển dương Thánh giáo: “Trong tám khổ, năm thủ uẩn khổ được xếp sau cùng; trong ba khổ, hành khổ được xếp sau cùng. Mỗi khổ là sở y cho bốn khổ nên là khổ: 1. Sở y của sinh khổ; 2. Sở y của sinh căn bản khổ; 3. Sở y của khổ tự tánh khổ; 4. Sở y của biến hoại khổ.” Khổ của sự sinh (tức tám khổ), khổ vì là cội gốc của sự sinh (tức vô minh), khổ vì là tự tánh của khổ (tức ngã chấp) và khổ vì biến hoại (tức vô thường).

## Phụ lục:

### 1. Thiền sư Vĩnh Giác Nguyên Hiền

Thiền sư Nguyên Hiền (元賢, 1578–1657), họ Thái, tự là Vĩnh Giác 永覺, người ở huyện Kiến Dương, tỉnh Phúc Kiến, sinh vào thời Minh, Vạn Lịch thứ 6 (1578), Mậu Dần. Thuở nhỏ, theo Nho học; năm 20 tuổi đã được đặc cách làm Ấp chư sinh 邑諸生. Năm 25 tuổi, Sư nghe vị Tăng tụng kinh Pháp Hoa đến câu: “Bây giờ Ta vì hiện, thân thanh tịnh sáng suốt.” (phẩm Pháp Sư), liền rất vui mừng, khen rằng: “Ngoài cái học của Chu, Khổng, quả thật còn có một việc lớn khác!”. Từ đó, Sư để tâm nơi giáo lý và thông suốt tất cả kinh điển.

Về sau, khi gặp Hòa thượng Thọ Xương Tuệ Kinh 壽昌慧經, Sư trình bày chỗ hiểu biết của mình, rồi theo ngài học tham thiền, đến năm 40 tuổi thì Sư xuất gia. Một hôm, từ chùa đi ra gặp ngài Thọ Xương từ ruộng trở về chùa, Sư liền hỏi: “Thế nào là thân thanh tịnh sáng suốt?” Ngài Thọ Xương giữ áo đứng im. Sư hỏi: “Chỉ có cái này hay còn gì khác nữa chẳng?” Thọ Xương phát áo bỏ đi. Sư đi theo vào phương trượng. Chưa kịp mở miệng, Thọ Xương cầm gậy đánh liên tục ba cái, bảo rằng: “Về sau chẳng được lơ là!” Năm sau, ngài Thọ Xương thị tịch. Sư y chỉ với ngài Bác Sơn Nguyên Lai 博山元來 và thọ giới Cụ túc. Chẳng bao lâu, Sư từ già trở về Phúc Kiến. Khi đi thuyền qua Diên Tân, chợt nghe một vị Tăng tụng kinh Pháp Hoa đến câu: “Chư Phật đồng thời tăng hắng cùng chung khảy móng tay” (phẩm Như Lai thân lực), bèn thâu suốt tác dụng trước kia của ngài Thọ Xương. Liền nói kệ rằng:

“Gà vàng mổ nát lưu ly biếc

Hoàn toàn nơi nghỉ chỉ tự hay

Nằm yên trên thuyền, trời đã sáng

Trước non mưa tạnh, tiếng chim kêu”.

Lúc ấy, Sư đã 46 tuổi, nhằm tháng 9, niên hiệu Thiên Khải thứ 3 (1623) đời Minh. Sau đó, Sư về ở am Kim Tiên, đọc Đại Tạng Kinh Điển ba năm rồi ẩn tu nơi núi Hà Sơn. Năm 1633, sư đến yết kiến Thiền sư Văn Cốc Quảng Ấn 聞谷廣印 (1566-1636) và học giới pháp của Thiền sư Vân Thê Châu Hoàng 雲棲株宏 (1535-1615), từ đó sư chủ trương Thiền-Luật song hành.

Vào năm Sùng Trinh thứ 7 (1634), sư đến trụ trì tại núi Cổ Sơn, lúc đó sư đã gần 50 tuổi. Sư từng trụ trì và khai đường thuyết pháp tại nhiều ngôi đạo tràng như Khai Nguyên tự, Chân Tịch tự, Bảo Thiện tự... và xiển dương pháp của Tông Tào Động rất mạnh, từng có nhiều người đến tu học và đại ngộ. Tuy nhiên chỉ có duy nhất môn đệ là Vi Lâm Đạo Bái được sư ấn chứng và cho nối pháp.

Sư có công trong việc phục hồi Tông Tào Động dưới thời Minh-Thanh với những tác phẩm trình bày về đường lối tu tập Thiền tông, yếu chỉ của Tông Tào Động và được lưu hành rộng rãi, ngoài ra sư cũng quan tâm đến việc truyền bá và phổ cập Phật Pháp đến các tầng lớp bình dân, dạy họ niệm Phật, phóng sinh, giữ giới.

Đến ngày mùng 7 tháng 10 năm Thuận Trị thứ 14 (1657) đời Thanh, sư an nhiên tọa Thiền thị tịch, môn đệ trà tỳ xây tháp thờ tại núi Cổ Sơn.

Thiền sư Nguyên Hiền có trước tác hơn mười loại: Lăng Nghiêm Kinh Lược Sớ, Kim Cang Kinh Lược Sớ, Bát Nhã Tâm Kinh Chỉ Chương (Tục tạng kinh, No. 558), Tứ Phần Giới Bản Ước Nghĩa, Động Thượng Cổ Triệt, Bồ Đẳng Lục, Kế Đẳng Lục, Tứ Hội Toàn Lục, Tịnh Từ Yếu Ngữ, Kiến Châu Hoàng Thích Lục.

## 2. No. 558-A: Tựa Bát Nhã Tâm Kinh Chỉ Chương

Bát-nhã là vô tri, các pháp vốn tịch tĩnh, gốc rễ ở diệu thể nhất chân, ảnh hiện nơi phù danh nhị đế. Tợ thật tợ hư, chẳng phải sự suy lường hư thật; vừa ly vừa hợp, chẳng phải sự hiểu biết hợp ly. Bởi lẽ, không mà phi không, hữu mà phi hữu, thành nhau không trở ngại đoạt nhau, cùng tồn cũng có thể cùng vong, chết sống không ngại, ẩn hiển tự tại, đó gọi huyền tông của bát-nhã. Sao mà lòng phàm dễ mê hoặc, lừa trí khó nhen nhúm, như giăng lưới để nắm gió, tợ quây sóng để bắt trăng, đi qua gian khổ, trở thành chướng ngại; thế nên trăm khổ ràng rịt, ngàn ương gom góp, đều do một niệm chấp trước ấy. Bát-nhã Tâm Kinh đây, văn gọn mà nghĩa thật đầy, từ rõ mà lý rất sâu, đầu mở hai cửa không sắc, sau phá hai chấp hữu vô; hữu vô hết nên thật tướng hiển lộ, sắc không hợp nên diệu nghĩa vuông tròn. Hằng ngày đọc hiểu kinh và học thuyết bát-nhã, tôi lĩnh ngộ trên một nửa. Từng thấy chư gia chú thích, ít người đến chỗ uyên áo, chỉ có hai số giải của các ngài Hiền Thủ<sup>27</sup> và Cô Sơn<sup>28</sup> mới lấp đầy pháp đàn. Những số giải trích dẫn nhiều kinh luận, bủa ra những con đường [hoạch đắc Phật đạo], đều không thuận tiện cho người sơ học. Nay tôi viết riêng ‘Chỉ Chương’<sup>29</sup> để người đọc dễ hiểu, lợi ích cho người sơ học. Đường đi vạn dặm, khởi đầu từ nửa bước, người đọc vui mừng nhưng chớ coi thường!

Thuận Trị thứ 11, Giáp Ngọ (1654), Mạnh Thu, ngày Phật hoan hỷ.

Cô Sơn, tỳ-kheo Nguyên Hiền cúi đầu kính lễ, bày tỏ.

---

<sup>27</sup> Bát-nhã Ba-la-mật-đa Tâm Kinh Lược Sớ 般若波羅蜜多心經略疏, Đại chánh tân tu, No. 1712, Đường, sa-môn Hiền Thủ Pháp Tạng (賢首法藏, 643-712) thuật.

<sup>28</sup> Bát-nhã Tâm Kinh Sớ 般若心經疏, Vạn Tục tạng kinh, No. 529, Tống, Cô Sơn sa-môn Thích Trí Viên (釋智圓, 976-1022) thuật.

<sup>29</sup> Chỉ chương 指掌: Ngón tay và bàn tay, tỷ dụ sự lý rõ ràng hoặc rất dễ hiểu.

Tán:

Ông già như tôi tuổi tám mươi  
Sự việc trần gian đều góp nhặt  
Duy bóng ảnh này bủa chư phương  
Muôn trùng bại lộ ngăn bắt cập.  
Hiểu không?  
Thân hữu tướng có thân vô tướng  
Cúi đầu mới thấy biết rõ ràng.

Ông già Vĩnh Giác tự đề.

### 般若心經指掌序

般若無知，諸法本寂，根由一真之妙體，影現二諦之浮名。似實似虛，非虛實之所能擬；亦離亦合，非離合之所能明。所以空而非空，有而非有，互成不妨互奪，並存亦可並亡，泯立無闕，隱顯自在，是謂般若之玄宗也。怎柰凡心易惑，智火難然，如舉網以張風，似從波而捉月，徒歷艱辛，翻成障礙；由是百苦交纏，千殃並集，都由此一念之執耳。茲般若心經者，文約而義寔豐，詞顯而理殊奧，首開空色兩門，專破有無二執，有無盡而實相可顯，色空合而妙義方圓，日用明此，般若之道，思過半矣。嘗見諸家註釋，罕臻其奧，惟賢首、孤山二疏，果彌法壇老將，但廣摭經論，侈布筌筌，非初學之所可通。故茲特為指掌，使其易見，所以便初學也。然萬里之行，起於跬步，觀者幸毋忽焉！（註：「彌」疑是「稱」）

歲在甲午( 順治十一年 )孟秋佛歡喜日

鼓山比丘元賢稽首和南序

贊

老漢行年今八十，世間事事皆收拾；

惟這影子遍諸方，敗露重重遮不及。

會麼！

有相身中無相身，低頭方見明歷歷。

永覺老人自題

San Francisco, 23.6.2020

Phật tử **Quảng Minh** dịch